TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2019.
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thông Minh Tấn;
2. Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Thế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Hồ Thị T - Sinh năm 1990. (có mặt)**
Địa chỉ: khu phố N.T, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: **ông Phạm Đình T1 - Sinh năm 1984. (vắng mặt)**
HKTT và Địa chỉ: số nhà 91 khu phố N.T, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá T1 giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hồ Thị T T1 bày: bà và ông Phạm Đình T1 tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009, ông bà có đi đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Thời gian chung sống ông bà cũng hạnh phúc bình thường, nhưng ông T1 thường xuyên ăn nhậu về đánh đập bà, còn cầm mũ bảo hiểm đánh vào đầu, đá văng bà vào tường, ông T1 đánh bà rất dữ, vì bất kỳ lý do gì ông T1 cũng đánh bà, đến nỗi mọi người trong gia đình chồng phải can ngăn. Hiện nay bà không thể tiếp

tục chung sống với ông Phạm Đình T1. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình T1.

Về con chung: bà và ông T1 có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh Tuyền – sinh ngày 09/8/2010. Hiện con đang ở với bà và ông T1. bà không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá T1 giải quyết, bị đơn là ông Phạm Đình T1 không đến Tóa án và không T1 bày ý kiến mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Vụ án không tiến hành hòa giải do bị đơn ông Phạm Đình T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá T1 giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá T1 giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T, cho bà T được ly hôn với ông Phạm Đình T1;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị T nộp đơn xin ly hôn với ông Phạm Đình T1 (Cư trú tại: khu phố N.T, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông Phạm Đình T1 lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3]Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] về quan hệ hôn nhân: Với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá T1 giải quyết vụ án đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài; mặc khác, ông Phạm Đình T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án để T1 bày ý kiến, tại các phiên hòa giải ông cũng vắng mặt, qua đó cho thấy ông Phạm Đình T1 không hề có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà Hồ Thị T.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Hồ Thị T và ông Phạm Đình T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Hồ Thị T.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con: Ông Phạm Đình T1 và bà Hồ Thị T có 01 con chung, tuy nhiên bà T không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hồ Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Phạm Đình T1.

**** Về án phí:*** Bà Hồ Thị T chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số N^0 0028450 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Hồ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Hồ Thị T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Đình T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thúy Vũ

Nơi nhận:
- đương sự
- VKSND Hàm Thuận Nam
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu